

Số: 45/2023/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

PHÒNG THAM MƯU

ĐẾN

Số:.....

Ngày: 12/10

Chuyển:.....

CÔNG AN TỈNH BÌNH THUẬN

ĐẾN

Số:.....

Ngày: 10/10

Chuyển:.....

THÔNG TƯ

**Quy định về cung cấp thông tin
của lực lượng Công an nhân dân trên môi trường mạng**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về cung cấp thông tin của lực lượng Công an nhân dân trên môi trường mạng.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc cung cấp thông tin, quản lý hoạt động cung cấp thông tin và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động cung cấp thông tin của Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương trên môi trường mạng (không bao gồm mạng máy tính diện rộng dùng riêng ngành Công an).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương, bao gồm: Các đơn vị nghiệp vụ, tham mưu, chính trị, hậu cần, thanh tra thuộc cơ quan bộ (các đơn vị trực thuộc Bộ); Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Công an cấp tỉnh); các học viện, trường Công an nhân dân; các bệnh viện trực thuộc Bộ Công an.

2. Các tổ chức, cá nhân, cán bộ, chiến sĩ tham gia cung cấp thông tin và quản lý công tác cung cấp thông tin của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương trên môi trường mạng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Thông tin cung cấp trên môi trường mạng của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương là những thông tin công khai, không thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật nghiệp vụ và nội bộ ngành Công an, không phải là thông tin, tài liệu có quy định không được đăng tải công khai trên mạng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Công an nhân dân.

2. Việc cung cấp thông tin của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương trên môi trường mạng phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, các quy định của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

3. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử (sau đây gọi chung là Cổng thông tin điện tử) của Công an các đơn vị, địa phương phải bảo đảm các chức năng hỗ trợ cơ bản, chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và Cổng thông tin điện tử của Công an các đơn vị, địa phương chỉ được dẫn nguồn thông tin từ Cổng thông tin điện tử của các cơ quan Đảng, nhà nước; không dẫn các thông tin không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân.

5. Cổng thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc Bộ; các học viện, trường Công an nhân dân; các bệnh viện trực thuộc Bộ Công an là thành phần của Cổng thông tin điện tử Bộ Công an. Việc xây dựng Cổng thông tin điện tử của Công an các đơn vị, địa phương phải được Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt.

Chương II

CUNG CẤP THÔNG TIN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Mục 1

CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BỘ CÔNG AN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 4. Kênh cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng

1. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định triển khai các kênh cung cấp thông tin sau đây trên môi trường mạng cho tổ chức, cá nhân:

- a) Cổng dữ liệu cấp Bộ;
- b) Mạng xã hội;
- c) Thư điện tử (Email);
- d) Ứng dụng trên thiết bị di động;
- đ) Tổng đài điện thoại.

3. Các kênh cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng phải bảo đảm cung cấp thông tin đồng bộ, thống nhất với thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

4. Kênh cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Điều 5. Thông tin của Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng

1. Thông tin của Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng bao gồm những nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các nội dung sau:

- a) Thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của lãnh đạo Bộ Công an;
- b) Tình hình, kết quả các mặt công tác công an. Nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí của Người phát ngôn Bộ Công an, Người được ủy quyền phát ngôn của Bộ Công an về các vấn đề liên quan đến công tác công an mà dư luận xã hội quan tâm;
- c) Thông tin về các vụ án, vụ việc đang được cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ Công an, Công an cấp tỉnh điều tra, xác minh mà xét thấy việc cung cấp thông tin trên môi trường mạng là cần thiết cho quá trình điều tra, xác minh và công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự;
- d) Nội dung Bộ Công an trả lời kiến nghị của cử tri;
- đ) Lịch tiếp công dân của lãnh đạo Bộ Công an;
- e) Thông tin đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin sai lệch về Đảng, nhà nước, ngành Công an và công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật;
- g) Điểm tin Interpol;
- h) Thông tin về đối tượng truy nã, truy tìm;
- i) Thông tin về các tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố;
- k) Các thông tin chuyên đề: Cảnh báo tội phạm; hướng dẫn tố giác tội phạm; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng pháp luật; các điển hình tiên tiến, hình ảnh đẹp, gương người tốt, việc tốt, gương dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ Công an và các chuyên đề tuyên truyền khác phù hợp thực tiễn công tác;

l) Thông tin về các dịch vụ công trực tuyến Bộ Công an đang triển khai thực hiện;

m) Các thông tin khác do lãnh đạo Bộ Công an hoặc Chánh Văn phòng Bộ Công an quyết định.

2. Thông tin của Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng phải được cập nhật kịp thời trong trường hợp có sự thay đổi.

Điều 6. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an

1. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an là kênh cung cấp thông tin chính thống, thống nhất, tập trung của Bộ Công an trên môi trường mạng; liên kết các dịch vụ công trực tuyến; kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

2. Cổng thông tin điện tử Bộ Công an có 02 tên miền truy cập trên mạng Internet là: bocongan.gov.vn và mps.gov.vn

3. Căn cứ tình hình thực tế, lãnh đạo Bộ Công an quyết định việc xây dựng các Trang thành phần của Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; Chánh Văn phòng Bộ Công an quyết định điều chỉnh, bổ sung các chuyên mục thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

Điều 7. Quản lý công tác cung cấp thông tin và kênh cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng

1. Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo công tác quản lý, cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng.

2. Văn phòng Bộ Công an là cơ quan chủ trì giúp Bộ trưởng Bộ Công an quản lý, cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an. Văn phòng Bộ Công an trực tiếp quản lý các tên miền bocongan.gov.vn và mps.gov.vn; xem xét, cấp tên miền cấp dưới của các tên miền bocongan.gov.vn và mps.gov.vn cho các đơn vị trực thuộc Bộ, các học viện, trường Công an nhân dân, các bệnh viện trực thuộc Bộ Công an theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong trường hợp triển khai các kênh cung cấp thông tin khác quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, đơn vị trực thuộc Bộ được Bộ trưởng Bộ Công an giao chủ trì triển khai kênh cung cấp thông tin có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo công tác quản lý, cung cấp thông tin trên kênh thông tin này, bảo đảm cung cấp thông tin đồng bộ, thống nhất với thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các quy định có liên quan tại Thông tư này.

Mục 2

CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ, CÔNG AN CẤP TỈNH TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 8. Kênh cung cấp thông tin của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh trên môi trường mạng

1. Cổng thông tin điện tử của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ quyết định triển khai kênh cung cấp thông tin khác của đơn vị qua thư điện tử (Email), tổng đài điện thoại; Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định triển khai kênh cung cấp thông tin khác của đơn vị qua mạng xã hội, thư điện tử (Email), tổng đài điện thoại.

Các đơn vị trực thuộc Bộ chỉ triển khai kênh cung cấp thông tin qua mạng xã hội khi đã xây dựng Cổng thông tin điện tử của đơn vị và được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công an.

Trường hợp triển khai nhiều kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng, các kênh này phải bảo đảm cung cấp thông tin đồng bộ, thống nhất với thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

3. Kênh cung cấp thông tin của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh trên môi trường mạng phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Điều 9. Thông tin của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh cung cấp trên môi trường mạng

1. Thông tin của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh cung cấp trên môi trường mạng bao gồm những nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các nội dung sau:

a) Thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của lãnh đạo Bộ Công an và lãnh đạo đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh;

b) Thông tin về hoạt động, các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh;

c) Thông tin về các vụ án, vụ việc đang được cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện điều tra, xác minh mà xét thấy việc cung cấp thông tin trên môi trường mạng là cần thiết cho quá trình điều tra, xác minh và công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự;

d) Thông tin đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin sai lệch về Đảng, Nhà nước, ngành Công an và công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật;

đ) Các thông tin chuyên đề: Cảnh báo tội phạm; hướng dẫn tố giác tội phạm; quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; phòng cháy, chữa cháy; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng pháp luật; các mô hình, điển hình tiên tiến, hình ảnh đẹp, gương người tốt, việc tốt, gương dũng cảm, vì Nhân dân phục vụ của cán bộ, chiến sĩ Công an;

e) Thông tin về các dịch vụ công trực tuyến đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh đang triển khai thực hiện và nội dung hướng dẫn thực hiện các dịch vụ này;

g) Thông tin về nội dung trả lời chất vấn đại biểu Hội đồng nhân dân và trả lời kiến nghị của cử tri liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Công an cấp tỉnh. Tiếp nhận các ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của cơ quan chủ quản; giải đáp các câu hỏi thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của cơ quan chủ quản do tổ chức, cá nhân gửi tới;

h) Thông tin về đối tượng truy nã, truy tìm;

i) Thông tin đường dây nóng.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định việc cung cấp các thông tin khác trên môi trường mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị mình.

3. Thông tin của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh cung cấp trên môi trường mạng phải được cập nhật kịp thời trong trường hợp có sự thay đổi.

Điều 10. Cổng thông tin điện tử của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh

1. Cổng thông tin điện tử của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh là kênh cung cấp thông tin chính thống, thống nhất, tập trung của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh trên môi trường mạng.

2. Tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của đơn vị trực thuộc Bộ trên mạng Internet có dạng: tendonvi.bocongan.gov.vn hoặc tendonvi.mps.gov.vn; trong đó, tendonvi là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của đơn vị bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

3. Tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh trên mạng Internet có dạng: congan.tentinhthanh.gov.vn; trong đó, tentinhthanh.gov.vn là tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên mạng Internet.

4. Các đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung, thay đổi tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của đơn vị theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 11. Quản lý công tác cung cấp thông tin và kênh cung cấp thông tin của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh trên môi trường mạng

1. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh chỉ đạo công tác quản lý, cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị, địa phương mình.

2. Phòng Tham mưu (hoặc Phòng Tổng hợp hoặc Phòng Tham mưu tổng hợp hoặc Văn phòng) của đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ chủ trì tham mưu Thủ trưởng, Giám đốc chỉ đạo công tác quản lý, cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị.

Mục 3

CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN, BỆNH VIỆN TRỰC THUỘC BỘ CÔNG AN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 12. Kênh cung cấp thông tin của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an trên môi trường mạng

1. Cổng thông tin điện tử của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân, Giám đốc bệnh viện quyết định triển khai kênh cung cấp thông tin qua thư điện tử (Email), tổng đài điện thoại. Các học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an chỉ triển khai kênh cung cấp thông tin qua mạng xã hội khi đã xây dựng Cổng thông tin điện tử của đơn vị và được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công an.

Trường hợp triển khai nhiều kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng, các kênh này phải bảo đảm cung cấp thông tin đồng bộ, thống nhất với thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

3. Kênh cung cấp thông tin của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an trên môi trường mạng phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Điều 13. Thông tin của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng

1. Thông tin của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng bao gồm những nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các nội dung sau:

a) Thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của lãnh đạo Bộ Công an và lãnh đạo học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an;

b) Thông tin về hoạt động, các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an;

c) Thông tin trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo cần đăng tải theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với các học viện, trường Công an nhân dân);

d) Thông tin trên lĩnh vực y tế (áp dụng đối với các bệnh viện trực thuộc Bộ Công an).

2. Căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân, Giám đốc bệnh viện trực thuộc Bộ Công an quyết định việc cung cấp các thông tin khác trên môi trường mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị mình.

3. Thông tin của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng phải được cập nhật kịp thời trong trường hợp có sự thay đổi.

Điều 14. Cổng thông tin điện tử của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an

1. Cổng thông tin điện tử của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an là kênh cung cấp thông tin chính thống, thống nhất, tập trung của học viện, nhà trường, bệnh viện trên môi trường mạng.

2. Tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an trên mạng Internet có dạng: tendonvi.bocongan.gov.vn hoặc tendonvi.mps.gov.vn; trong đó, tendonvi là tên

viết tắt hoặc tên đầy đủ của học viện, nhà trường, bệnh viện bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

3. Các học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trao đổi với Văn phòng Bộ Công an để đăng ký, bổ sung, sửa đổi tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Quản lý công tác cung cấp thông tin và kênh cung cấp thông tin của học viện, trường Công an nhân dân, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an trên môi trường mạng

1. Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân, Giám đốc bệnh viện trực thuộc Bộ Công an chỉ đạo công tác quản lý, cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị mình.

2. Văn phòng (hoặc Phòng Hành chính, tổng hợp) của các học viện, trường Công an nhân dân; Phòng Kế hoạch, tổng hợp của bệnh viện trực thuộc Bộ Công an có nhiệm vụ chủ trì tham mưu Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân, Giám đốc bệnh viện trực thuộc Bộ Công an chỉ đạo công tác quản lý, cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị.

Chương III
ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP THÔNG TIN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 16. Bảo đảm nhân lực

1. Văn phòng Bộ Công an có trách nhiệm thành lập Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; phân công, bố trí đủ nhân lực chuyên trách để thu thập, tiếp nhận, khai thác, xử lý, biên tập, đăng tải thông tin, bảo đảm hoạt động Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và các kênh thông tin khác của Bộ Công an trên môi trường mạng (khi được Bộ trưởng Bộ Công an giao xây dựng, quản lý) theo quy định của pháp luật.

2. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thành lập Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình; phân công, bố trí đủ nhân lực để thu thập, tiếp nhận, khai thác, xử lý, biên tập, đăng tải thông tin, bảo đảm hoạt động Cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Hằng năm, cán bộ Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, cán bộ thực hiện công tác tiếp nhận, xử lý thông tin, biên tập, đăng tải thông tin, quản lý, duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử Công an các đơn vị, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực đảm nhiệm.

Điều 17. Bảo đảm kinh phí

1. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của lực lượng Công an nhân dân trên môi trường mạng được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng Bộ Công an lập dự toán ngân sách hằng năm về kinh phí bảo đảm hoạt động của Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và các kênh cung cấp thông tin khác được Bộ trưởng Bộ Công an giao quản lý; Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán ngân sách hằng năm về kinh phí hoạt động của Cổng thông tin điện tử và các kênh cung cấp thông tin khác của đơn vị mình.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hằng năm căn cứ vào yêu cầu công tác và các văn bản sau: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn chi tiết, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chế độ nhuận bút, thù lao cho việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử Công an các đơn vị, địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT.

Chế độ thù lao, nhuận bút cho việc cung cấp thông tin của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương trên các kênh cung cấp thông tin khác thực hiện theo quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

4. Mức chi cho việc tạo lập, chuyển đổi và số hóa thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử Công an các đơn vị, địa phương thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Căn cứ khả năng đảm bảo của ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định mức chi cụ thể cho việc tạo lập thông tin, chi trả nhuận bút và đảm bảo hoạt động, nâng cấp Cổng thông tin điện tử và các kênh cung cấp thông tin khác của đơn vị phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Bộ Công an.

6. Kinh phí chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ thực hiện cung cấp thông tin được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Công an các đơn vị, địa phương để bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ Công an

1. Tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập kênh cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng; xây dựng quy chế, quy trình quản lý, tổ chức thông tin trên các kênh cung cấp thông tin được Bộ trưởng Bộ Công an giao quản lý.

2. Thực hiện các yêu cầu về bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật; bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin; phối hợp

các đơn vị chức năng bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, kênh cung cấp thông tin khác được Bộ trưởng Bộ Công an giao quản lý theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức mạng lưới cộng tác viên tại các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành để cung cấp thông tin bảo đảm hoạt động Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và các kênh thông tin khác được Bộ trưởng Bộ Công an giao quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu lãnh đạo Bộ Công an nâng cấp, phát triển Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; triển khai các kênh cung cấp thông tin của Bộ Công an trên môi trường mạng theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an và quy định tại Thông tư này.

5. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc cung cấp thông tin của Công an các đơn vị, địa phương trên môi trường mạng.

6. Định kỳ hằng năm chủ trì tổ chức tập huấn công tác cung cấp thông tin trên môi trường mạng cho cán bộ chuyên trách và đội ngũ cộng tác viên của Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương để đáp ứng yêu cầu công tác.

Điều 19. Trách nhiệm của Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao

1. Chủ trì, phối hợp Văn phòng Bộ Công an đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; rà soát, đánh giá thực trạng, phát hiện các lỗ hổng bảo mật trong hệ thống Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; theo dõi, phát hiện và thông báo cho Văn phòng Bộ Công an về các nguy cơ hoặc lộ, lọt thông tin, các hoạt động tấn công xâm nhập, thay đổi dữ liệu, phá hủy hệ thống Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; tư vấn xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo tự động phòng chống tấn công và phối hợp giám sát, cảnh báo từ xa; tư vấn giải pháp tăng cường an toàn thông tin cho hệ thống Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

2. Phối hợp Văn phòng Bộ Công an định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động các kênh cung cấp thông tin của Công an các đơn vị, địa phương trên môi trường mạng.

3. Hướng dẫn, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng, an ninh mạng các kênh cung cấp thông tin của Công an các đơn vị, địa phương trên môi trường mạng.

4. Hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương và trực tiếp rà soát, đánh giá thực trạng, phát hiện các lỗ hổng bảo mật trong hệ thống Cổng thông tin điện tử và các kênh cung cấp thông tin khác của Công an các đơn vị, địa phương. Theo dõi, phát hiện và thông báo về các nguy cơ hoặc lộ, lọt thông tin, mất an toàn thông tin mạng; tư vấn giải pháp tăng cường an toàn thông tin cho kênh cung cấp thông tin của Công an các đơn vị, địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Kế hoạch và Tài chính

Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí duy trì hoạt động và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của lực lượng Công an nhân dân trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công an về công tác quản lý, cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị mình; chỉ đạo công tác cung cấp thông tin và quản lý các kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị cấp dưới.

2. Khi triển khai cung cấp thông tin trên môi trường mạng, Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm ban hành quyết định thành lập kênh cung cấp thông tin của đơn vị mình; xây dựng quy chế, quy trình quản lý, tổ chức thông tin trên các kênh cung cấp thông tin này.

3. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật; bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của Cổng thông tin điện tử và kênh cung cấp thông tin khác của đơn vị trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn khắc phục kịp thời các nguy cơ mất an toàn thông tin, lỗ hổng bảo mật của Cổng thông tin điện tử và kênh cung cấp thông tin khác của đơn vị trên môi trường mạng.

5. Các đơn vị trực thuộc Bộ; các học viện, trường Công an nhân dân; các bệnh viện trực thuộc Bộ Công an đã xây dựng Cổng thông tin điện tử nhưng chưa tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này, có trách nhiệm phối hợp Văn phòng Bộ Công an tham mưu, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an để thực hiện đúng quy định là thành phần của Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

6. Các đơn vị trực thuộc Bộ không có Cổng thông tin điện tử có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Bộ Công an để cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực được giao phụ trách trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 98/2020/TT-BCA ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công an quy định về quản lý, cung cấp thông tin và bảo đảm hoạt động của Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử trong Công an nhân dân.

3. Khi những điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì nội dung dẫn chiếu trong thông tư này được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Thông tư này; kịp thời phản ánh vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư về Bộ (qua Văn phòng Bộ Công an) để được hướng dẫn, giải đáp.

Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 20/6), 01 năm (trước ngày 20/12) hoặc đột xuất về tình hình, kết quả hoạt động cung cấp thông tin trên môi trường mạng của đơn vị mình về Bộ (qua Văn phòng Bộ Công an).

2. Văn phòng Bộ Công an có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Thông tư này; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Bộ Công an./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các học viện, trường Công an nhân dân;
- Các bệnh viện trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03, V01 (CTTĐT)^{140b}.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm